

BÀN VỀ VĂN HÓA ỨNG XỬ CỦA NHÀ NHO (QUA NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP NGUYỄN KHUYẾN)

NGUYỄN THỊ DUNG

Email: dungmanhtk@gmail.com

Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW

A DISCUSSION ON THE CONFUCIAN'S CULTURAL BEHAVIOR (THE CASE STUDY OF NGUYEN KHUYEN)

TÓM TẮT

Là một trí thức Nho học, chịu ảnh hưởng và tiếp thu tinh thần đạo Nho, Nguyễn Khuyến trước tiên là một nhà Nho thực hành nhập thế. Song trước tình thế quốc gia bị xâm lược, triều đình nhu nhược, Nho học thất thế, Nguyễn Khuyến đã lui về ở ẩn. Tiếp cận Nguyễn Khuyến với vai trò là một nhà Nho, một nhân vật lịch sử, văn hóa, bài viết đi từ những cơ sở lịch sử, văn hóa để khắc họa chân dung nhà Nho Nguyễn Khuyến thông qua ứng xử của ông, từ đó mà có những luận bàn về văn hóa ứng xử của nhà nho và giá trị của nó đối với văn hóa dân tộc.

Từ khóa: Văn hóa ứng xử, nhà Nho ẩn dật, Nguyễn Khuyến

ABSTRACT

As a Confucian intellectual, influenced and absorbed the spirit of Confucianism, Nguyen Khuyen respected the community and its values at first. But later on, as witnessed the country was invaded without any reaction of the contemporary authority, and the degenerate of Confucianism, he retired and lived in a secluded life. Approaching Nguyen Khuyen as a Confucian, a historical and cultural figure, in the article, the author has mentioned some historical and cultural bases to make a portrait of the confucian Nguyen Khuyen through his behavior, and then has discussed the Confucian's cultural behavior and its value to the national culture.

Keywords: Cultural behavior, secluded Confucian, Nguyen Khuyen

Nguyễn Khuyến không chỉ là một nhà thơ lớn mà còn là một trong những nhà nho đã ghi lại nhiều dấu ấn trong lịch sử Nho học Việt Nam, đặc biệt là ở giai đoạn cuối thời Trung đại, khi mà Nho học Việt Nam có nhiều biến động, bị thất thế và rồi mất đi vị trí, vai trò độc tôn trong chính trị và xã hội, trước bối cảnh văn hóa Phương Đông (văn hóa Nho học) bị văn hóa Phương Tây (văn hóa Tây học) xâm nhập. Tiếp cận Nguyễn Khuyến với vai trò là một nhà Nho, một nhân vật lịch sử, văn hóa, bài viết sẽ đi từ những cơ sở lịch sử, văn hóa để khắc họa chân dung nhà Nho Nguyễn Khuyến thông qua ứng xử của ông, từ đó mà có những luận bàn về văn hóa ứng xử của nhà Nho và giá trị của nó với văn hóa dân tộc.

1. Nhà Nho Nguyễn Khuyến nhìn từ thân thế và con đường hoạn lộ

Nguyễn Khuyến, tên khai sinh là Nguyễn Thắng, sinh vào 15/2/1835 tại làng Ngòi, xã Hoàng Xá, huyện Ý Yên, Nam Hà. Từ một thế ki nầy, sách vở

văn chép tên ông là Nguyễn Khuyến và người đời vẫn biết đến ông với vị trí là một nhà thơ của làng cảnh, quê hương Việt Nam. Nhưng nhân dân thường gọi ông theo cách tôn trọng, kiêng húy là Tam nguyên Yên Đổ hoặc Hoàng Vũ, do ghép học vị Tam nguyên - Hoàng giáp, với tên làng xã quê hương ông, làng Và (tên chữ là Vị Hạ), xã Yên Đổ, huyện Bình Lục (nay thuộc xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam) [1; tr.39]. Ông xuất thân từ một gia đình nhà nho nghèo, hai bên nội ngoại đều có truyền thống khoa bảng. Họ nội của Nguyễn Khuyến có gốc ở huyện Can Lộc, Hà Tĩnh, rồi di cư ra Yên Đổ, cho đến đời ông tính ra đã được năm trăm năm. Thời Lê trung hưng, cụ tổ bảy đời Nguyễn Khuyến làm quan nhà Mạc, được phong đến Quan lượng hầu. Cụ bốn đời Nguyễn Khuyến là Nguyễn Tông Mại là người có học vị tiến sĩ, làm quan đến Hiến sát sứ Thanh Hóa. Cụ thân sinh ông là Nguyễn Liễn từng đỗ ba khoa tú tài, nổi tiếng là con người phóng túng, là một nhà Nho nghèo

cách cân nhắc dừng theo những lối đi cũ. Những truyền thống được kiến tạo thường được tạo tác khá nhanh. Chúng yêu cầu và ngụ ý sự tiếp nối với quá khứ và chúng tận dụng “những chất liệu cổ xưa để xây dựng những truyền thống được kiến tạo của một kiểu thức mới vì những mục tiêu mới” (Hobsbawn & Ranger Ed. 1983). Đây chính là cách thức mà nhiều người Việt Nam “gán ép” tên gọi chùa Bà Đanh cho một “Bà Đanh” cụ thể nào đó và tìm mọi cách để chứng minh cho sự tồn tại của “Bà” trong lịch sử. Nhưng khi có nhiều ngôi chùa có tên gọi là chùa Bà Đanh thì sự gán ép này bộc lộ rõ sự phi lý của nó. Sự sáng tạo truyền thống như vậy không chỉ đến từ người dân mà còn đến từ các phương tiện thông tin đại chúng. Đây sẽ là những nội dung mà chúng tôi sẽ đề cập đến trong nghiên cứu này¹.

1. Khái quát về chùa Bà Đanh ở xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Tim hiểu về chùa Bà Đanh ở xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, chúng ta có thể tìm thấy hàng trăm bài viết trên các phương tiện truyền thông của trung ương cũng như địa phương tập trung vào các chủ đề sau:

1. Mô tả cảnh quan và kiến trúc chùa Bà Đanh;
2. Quảng bá du lịch của tỉnh Hà Nam (cùng với các di tích như Ngũ Động và một số ngôi chùa của địa phương);
3. Khai thác yếu tố vắng vẻ qua câu thành ngữ “vắng như chùa Bà Đanh” vốn tạo nên sự nổi tiếng của ngôi chùa.

Theo các thông tin nhóm nghiên cứu đã thu thập thì ngôi chùa này được xây dựng từ khoảng thế kỷ VII (có người nói ban đầu là đền). Cho đến thời vua Lê Thánh Tông thì chùa được xây dựng với quy mô khang trang trên nền đất hiện nay². Tuy nhiên, các thành phần kiến trúc và các đồ án trang trí hiện tại chủ yếu được xây dựng vào giai đoạn nhà Nguyễn và muộn hơn. Ban đầu “có pho tượng tạc một phụ nữ đẹp, khỏe mạnh, to như người thật nhưng ở dạng sex”. Sau đó, người dân đã rước Pháp Vũ về thờ cho đến nay. Về thời điểm bắt đầu thờ Pháp Vũ, theo tác giả Phạm Thuận Thành “Việc chùa Đanh Xá thờ Pháp Vũ tuy không rõ từ thời nào, nhưng chí ít cũng phải từ thời Mạc về trước. Vì ông nghề Phan Tế khi giữ chức Thừa chính sứ Sơn Nam thời Mạc đã từng ngủ đêm ở chùa và sáng tác bài thơ Dạ túc Bà Đanh tự, nay in ở tập thi tuyên của các danh sĩ Hà Nam (Phạm Thuận Thành 2011).

Có thể nói chùa Bà Đanh là một trong những công trình có vị trí đặc địa và cảnh quan đẹp nhất ở khu vực này. Chùa nằm ngay cạnh cầu treo Cẩm Sơn và Núi Ngọc nằm về phía Đông Nam xã Ngọc Sơn. Ba mặt khu di tích này có dòng sông Đáy bao quanh. Chùa quay về hướng nam nhìn thẳng ra sông Đáy, với

khung cảnh sơn thủy hữu tình. Đây là một tổng thể các kiến trúc gỗ bao gồm nhiều công trình với gần bốn mươi gian Kiến trúc lớn nhất của chùa là tòa bảo điện xây bit đốc năm gian với hệ thống cột, vì kèo và cửa gỗ lim nhưng công trình đẹp nhất lại là tam quan có ba gian và được lợp hai lớp mái thành hai tầng gọi là chồng diêm. Năm 1994, Bộ văn hóa Thông tin xếp hạng là di tích cấp quốc gia, được trùng tu đặc biệt năm 2008.



Ảnh 1. Tượng Bà Chúa Đanh
(Nguồn ảnh: Mỹ Phương)

Phần kiến trúc quan trọng nhất của ngôi chùa là cung cấm thờ tượng Đức Bà. Cung cấm chỉ mở cửa một năm hai lần vào đầu năm âm lịch khi dân làng đến tế lễ, cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu và vào dịp lễ chùa 16-17 tháng 2 âm lịch³. Đây là một ngôi chùa nhưng thờ cúng hỗn dung giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian bản địa. Pho tượng Đức Bà ở đây chính là thần Pháp Vũ, một trong Tứ pháp⁴ mà không phải là Bà Đanh mà chúng ta đang đi tìm. Mặc dù một số người dân địa phương gọi là Đức Bà là căn nguyên của tên gọi chùa Bà Đanh. Có thể nói, sự hỗn dung giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian bản địa và Đạo giáo mới chính là căn nguyên dẫn đến sự “mù mờ” về “nhân thân” của Bà Đanh và vô số cách giải thích về tiểu sử của Bà. Điều này có thể dễ dàng nhận ra ở điện thờ có các tượng Phật, Bồ tát, Hộ pháp và các tượng của Đạo giáo như Thái thượng Lão quân, Nam Tào, Bắc Đẩu. Cùng với đó là nhà Tổ thờ tổ sư phái Thiên Tông và phủ Mẫu thờ Tứ phủ.

2. Khảo sát tên gọi Chùa Bà Đanh ở xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Tên gọi “Chùa Bà Đanh” là một phần đặc sắc khi nhắc đến ngôi chùa danh tiếng này. Khác với những ngôi chùa khác ngoài tên chữ là Bảo Sơn Tự, thì người dân nơi đây vẫn thường gọi là “Chùa Bà Đanh”. Lí giải về tên gọi này có rất nhiều những ý

chuyên nghề dạy học. Mẹ ông là cụ Trần Thị Thoan, con gái nhà Nho Trần Công Trạc, đỗ sinh đồ (tương đương tú tài) vào thời Lê mạt. Quê mẹ Nguyễn Khuyến ở làng Văn Khê, tục gọi là làng Ngói, xã Hoàng Xá, huyện Ý Yên (nay thuộc xã Yên Trung, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định). Nguyễn Khuyến đã cất tiếng chào đời quê mẹ. Trong Gia phả dòng họ, Nguyễn Khuyến đã ghi chép về mẹ mình như một người phụ nữ mẫu mực trong khuôn khổ xã hội cũ, đó là người nữ “tính đoan trang, trầm tĩnh, thuận hòa” lại rất mực thương người, mọi việc nữ công gia chánh đều thông thạo. Cả một đời bà chịu thương chịu khó phụng dưỡng bố mẹ chồng, chăm chỉ lam làm, có lúc phải bán cả tư trang, may thuê vá mướn kiếm sống, để khuyến khích và nuôi chồng, con ăn học, thi cử [1; tr.40].

Với truyền thống gia đình như vậy, có thể thấy, trước tiên Nguyễn Khuyến là người sinh ra trong một gia đình có truyền thống khoa bảng, được tiếp xúc với đạo Nho ngay từ thuở nhỏ (Ông được cha dạy học chữ Hán từ sớm), lại sinh giữa thời đạo Nho và nền học vấn Nho học còn đang khẳng định được địa vị của mình trong đời sống văn hóa tư tưởng xã hội. Cũng với những điều kiện ấy, Nguyễn Khuyến sớm tiếp thu và ảnh hưởng tư tưởng Nho giáo từ truyền thống gia đình ngay từ nhỏ, để rồi như một lẽ đương nhiên giống như bao người theo học đạo Nho, ông theo đuổi sự nghiệp học, thi để lập danh, lập nghiệp, phò vua giúp nước.

Năm 17 tuổi (1852), Nguyễn Khuyến dự kì thi Hương đầu tiên trong đời. Nguyễn Khuyến tham gia nhiều cuộc thi Hương, nhưng lại lận đận trên con đường khoa cử nên ông thi trượt nhiều năm liền. Ba khoa thi Hương liên tiếp (1855, 1858, 1861), ông đều bị trượt. Ông đã có những câu thơ tức cảnh vào độ ấy: “Nghĩ tôi lại gớm cái mình tôi/ Tuổi đã ba mươi kém một thôi/ Bốn khoa hương thí không đâu cả/ Một mảnh vườn hoang bán sạch rồi”. Nguyễn Khuyến phải lận đận gần ba mươi năm trời đèn sách, với chín khóa lều chõng, thông thường mỗi khóa cách nhau ba năm. Trong hoàn cảnh Nguyễn Khuyến, đó là một cố gắng phi thường, để tới năm 1871, ông được nhận cờ biên Tiến sĩ do chính vua Tự Đức ban tặng.

Xét ở nguồn gốc và cuộc đời, trước tiên có thể thấy Nguyễn Khuyến là một học trò xuất sắc của nền giáo dục Nho học, một nhà Nho ưu tú về phẩm hạnh và học vấn. Với học vấn và phẩm hạnh của mình, nhà Nho ấy đã dốc lòng cho triều đình phong kiến, ông làm quan giữa thời cuộc quốc gia gặp biến cố, triều đình phong kiến suy vong, cái ứng xử nhập thế dốc lòng với dân với nước cũng chính là biểu hiện rõ nét của văn hóa ứng xử nhà nho ở Nguyễn Khuyến. Đó là ứng xử có trách nhiệm của người trí thức Nho học với triều đình phong kiến, là đạo làm bề tôi với vua và

nghĩa vụ của người làm quan với nhân dân. Cả cuộc đời hoạn lộ làm quan, Nguyễn Khuyến đã sống thanh bạch với lương tâm, khí tiết của một nhà nho chân chính.

Nguyễn Khuyến làm quan 12 năm, trải qua các chức nhiệm Đốc học rồi Án sát tỉnh Thanh Hóa, Bố chánh Quảng Ngãi, làm phó cho Lê Xuân Oai trong đoàn sứ bộ sang Trung Quốc xin viện binh đánh Pháp (thời nhà Thanh) và rồi cuối cùng là ông Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên. Bước đường hoạn lộ của ông cũng khá gập ghềnh: từng bị phạt, bị giáng chức; quá trình đó lại trùng với một giai đoạn bi thảm nhất, sóng gió nhất của lịch sử dân tộc. Kể từ năm 1873, khi Nguyễn Khuyến bắt đầu đảm nhận chức Học quan ở Thanh Hóa, cũng là lúc thực dân Pháp đánh lan ra Bắc; hàng loạt sự biến nghiêm trọng diễn ra dồn dập đe dọa nỗi an nguy của đất nước. Với trách nhiệm là một trong ba quan đầu tỉnh Thanh, năm 1874, ông phải mang quân chặn quân khởi nghĩa. Đúng lúc ấy, mẹ ông mất tại tỉnh Thanh Hóa. Ông phải nghỉ 3 năm về quê chịu tang mẹ. Hết tang, ông vào triều đình giữ chân Biện lý bộ Hộ. Năm 1877, ông lại ra làm quan, giữ chức Bố chánh Quảng Ngãi. Bốn, năm năm làm Toàn tu ở Sở quán. Từ năm 1879 đến 1883, vẫn sống trong cảnh thanh bần, lại thêm đau yếu, ông đã có tâm trạng chán ngán cảnh quan trường mà cáo quan về ở ẩn. Cũng kể từ đây, nhà Nho Nguyễn Khuyến đã có một lựa chọn hành xử quyết liệt, hành xử xuất thế của một kẻ sĩ trước buổi lao đao của Nho học và vận mệnh nước nhà.

2. Ứng xử xuất thế của nhà Nho Nguyễn Khuyến

Ngày 25-8-1883, triều Nguyễn đã phải kí tại Huế hiệp ước Hác măng với người Pháp, thừa nhận quyền thống trị của thực dân Pháp trên toàn bộ đất nước Việt Nam. Tiếp đến, năm 1884 với hòa ước Pa tơ nốt, nhà Nguyễn chính thức công nhận quyền bảo hộ của Pháp tại Việt Nam. Đứng trước vận mệnh lớn lao của lịch sử, nhân dân Việt Nam đã liên tục đứng lên chống Pháp. Những quan lại của triều đình Huế như Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, Tôn Thất Thuyết... những lãnh tụ nghĩa quân như Trương Định, Võ Duy Dương, Nguyễn Trung Trực ở Nam Kỳ, như Đinh Công Tráng, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Cầm Bá Thước ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ, liên tục đứng lên đánh Pháp. Song tất cả các phong trào yêu nước chống Pháp, bảo vệ độc lập dân tộc, tuy rất kiên cường, anh dũng nhưng đều bị thất bại. Từ đây, công cuộc bình định Việt Nam của thực dân Pháp căn bản hoàn thành và chúng bắt tay vào công cuộc khai thác thuộc địa. Cũng từ đây, cùng với cuộc binh biến của dân tộc, tầng lớp trí thức Nho học ở nước ta bị đặt vào một tình thế mới, tình thế vận mệnh dân tộc và vận mệnh nền học vấn Nho học bị xâm lược, văn hóa Nho học bị văn hóa phương Tây “cưỡng bức” và rồi cuối cùng thực sự bị thất thế vào năm 1919 khi chế độ

thi cử Nho học hoàn toàn bị xóa sổ. Bị đặt vào tình thế chính trị và văn hóa dân tộc suốt giai đoạn 1883 đến 1919, mỗi nhà nho đã ứng xử trước thời cuộc bằng những lựa chọn riêng. Bên cạnh những chí sĩ yêu nước cùng dân dấy binh đao chống giặc, lại có một bộ phận nhà Nho dùng ngòi bút sắc nhọn chĩa thẳng quân thù mà đánh. Cũng lại có những nhà Nho giữ tiết tháo, lui về ở ẩn, quyết không chịu cúi đầu trước uy vũ mà bắt tay với kẻ thù. Hay lại có những trí thức Nho học sẵn sàng rút bút lông cần bút mực, sẵn sàng đổi mới, cải cách và duy tân. Dù bằng ứng xử nào, chúng ta cũng nhận thấy rằng, các nhà Nho Việt Nam trong giai đoạn lịch sử này đã có một cuộc chiến đấu bền bỉ, không khoan nhượng trước sự cưỡng bức của văn hóa Phương Tây do thực dân Pháp đem đến. Riêng với nhà Nho Nguyễn Khuyến, trước những biến động của lịch sử và tình hình triều chính nhà Nguyễn lúc bấy giờ, không thể tiếp tục “làm quan” cũng không đành lòng nhìn triều đình khom lưng trước kẻ thù cướp nước, ông đã “lánh đời” chọn sự thanh bần, cương quyết khước từ mọi thủ đoạn mua chuộc, chèo kéo của thực dân Pháp.

Trước bước ngoặt của lịch sử dân tộc, Nguyễn Khuyến đã quyết định cho mình một sự lựa chọn dứt khoát: treo ấn từ quan, về làng ở ẩn. Và Nguyễn Khuyến đã gọi đó là “dừng thoái” (có nghĩa là: Rút lui một cách dửng dưng). Có đặt vào vị trí của Nguyễn Khuyến, với tất cả những yếu tố thuộc về con người mà gần như cả cuộc đời đạo học, đạo làm tôi trung, đạo trí quân trạch dân đã thấm sâu, bắt rễ trong con người trí thức đương thời thì mới có thể thấu hiểu hết cái tâm sự ấy của ông. Làm thế nào mà một nhà nho đã gần như suốt đời hăm hở học, thi, hăm hở nhập thế như Nguyễn Khuyến có thể rút lui, cởi bỏ cân đai về quê ở ẩn? Đó chắc chắn phải là một lựa chọn dửng dưng. Không chỉ thế, còn là một hành xử xuất phát từ nhân cách cao đẹp của nhà Nho hết lòng yêu nước, yêu dân. Bởi về quê ở ẩn lúc bấy giờ là một cách để thể hiện sự cương quyết, dứt khoát cự tuyệt kẻ thù và phản đối những quyết định sai lầm, nhu nhược của triều đình nhà Nguyễn. Dù rằng đã có lúc ông tự giễu mình: “Cờ đang giở cuộc không còn như nước/Bạc chửa thâu canh đã chạy làng”. Xét cho đến cùng, xuất thế lúc ấy với Nguyễn Khuyến là một quyết định đầy khó khăn, nhưng thiết nghĩ với một nhà Nho chân chính như ông thì dường như đã chẳng còn cách nào khác. Bởi thế mà dù ông có tự trách mình là “chạy làng” thì người đời vẫn chưa bao giờ nghĩ ông bỏ cuộc. Bởi vì, khi làm quan, Nguyễn Khuyến đã làm hết trách nhiệm với triều đình, đến khi không thể tiếp tục tiếp tay cho triều đình nhu nhược, Nguyễn Khuyến mới từ quan. Vậy mà ông vẫn hồ thẹn: “Sách vở ích gì cho buổi ấy/ Áo xiêm nghĩ lại thẹn thân già!”

Về quê rồi, Nguyễn Khuyến hòa mình vào cuộc sống

thanh bình chốn thôn dã, để mà gửi tình yêu nước vào tình yêu quê hương, yêu nhân dân lao động. Thông qua sáng tác của ông, ta nhận ra một sự thật đáng sau câu chuyện ở ẩn, đó là một nhà Nho có vẻ thanh nhàn nhưng kỳ thực vẫn chỉ là nhân thân mà chẳng nhân tâm. Ở ẩn rồi mà dường như lúc nào ông vẫn đầy tâm sự, cái tâm sự kín đáo, thâm trầm của người “tựa gối buông cần” đó mà không chí tâm vào việc có câu được cá hay không. Hay hoài niệm, với “hoa năm ngoái”, gửi gắm lòng mình vào tiếng quốc kêu “có phải tiếc xuân mà đứng đợi/ Hay còn nhớ nước vẫn nằm mơ?”

Có thể nói, Nguyễn Khuyến là kiểu mẫu nhân cách mà nhà nho quân tử hằng mơ ước, là tấm gương kiên trung, với một tấm lòng tha thiết yêu nước, yêu dân.

3. Đôi điều suy ngẫm

Văn hóa ứng xử là một trong những dạng thức của văn hóa. Văn hóa ứng xử được dùng chỉ thái độ, hành vi của con người trong giao tiếp đời sống với những người xung quanh. Đồng thời văn hóa ứng xử bao gồm cả cách ứng xử với thiên nhiên, với môi trường nhân văn xung quanh đời sống con người. Văn hóa ứng xử là phương thức giao tiếp và tự bảo tồn của con người với mọi vật xung quanh đời sống con người. Nó luôn có tính lịch sử cụ thể, tức là khi có những điều kiện kinh tế - xã hội của thời đại thay đổi thì nó cũng có những điều chỉnh cần thiết cho thích hợp. Khi gặp vấn đề văn hóa ứng xử vào nghiên cứu các nhà nho, một mẫu nhân vật trí thức trung đại, một kiểu chủ thể văn hóa đặc biệt thì văn hóa ứng xử của nhà nho cần, nên được xem xét sâu trong mối quan hệ với thời trung đại và những biến động của tôn giáo, lịch sử và xét ở phương diện ứng xử với môi trường xã hội. Hầu hết các nhà nho trung đại đều có một điểm chung ở sự nghiệp đó là tham gia chính sự và sáng tác thơ văn, mà tiếp cận nhà nho với tư cách một tác gia văn học sẽ đem đến những kiến giải về tư tưởng, diễn ngôn văn hóa của các nhà Nho.

Như đã nói ở trên, văn hóa ứng xử luôn có tính lịch sử cụ thể, tức là khi có những điều kiện kinh tế - xã hội của thời đại thay đổi thì nó cũng có những điều chỉnh cần thiết cho thích hợp, từ trường hợp Nguyễn Khuyến ứng xử nhập và xuất thế của ông đã cho thấy sự lựa chọn thái độ và hành vi văn hóa ứng xử bao giờ cũng phải được lý giải từ yếu tố thời thế. Với nhà nho, xuất thế hay nhập thế là một lựa chọn, một hành vi văn hóa ứng xử được lý giải trên cơ sở tác động của thời thế. Do đó, nếu đặt nhà nho vào thời cuộc để xem xét thì ta có thể lý giải xử thế của họ và phân định văn hóa ứng xử của nhà nho như sau:

Kiểu nhà nho nhập thế: Đây là kiểu nhà nho nhập cuộc. Trước tiên là các nhà nho tham dự chính sự để hành chí và hành đạo. Ở đây cũng phải kể đến cả các

CULTURE

nhà nho tham gia khởi nghĩa chống lại triều đình phong kiến suy vong và các nhà nho sẵn sàng đổi mới và duy tân. Nhập thế ở đây là một hành xử đối lập với các kiểu nhà nho xuất thế.

Nhà nho xuất thế: Đây là kiểu nhà nho chọn con đường rút lui khỏi chính sự, quay về với ruộng vườn, tìm đến thú vui tao nhã để di dưỡng tinh thần, để bảo toàn khí tiết.

Xuất thế hay nhập thế không chỉ là câu chuyện văn hóa ứng xử của nhà nho mà hơn thế còn là bài học về văn hóa ứng xử của người trí thức trước thời cuộc và vận mệnh dân tộc. Với ý nghĩa đó, từ chân dung nhà Nho Nguyễn Khuyến, hậu thế chẳng những tự hào trước một danh nhân mà tấm gương về đạo đức, nhân cách, ứng xử của người trí thức nho học ấy vẫn luôn ngời sáng để hậu thế soi vào, suy ngẫm và học tập. Bởi trong bất cứ thời đại nào, thì người trí thức vẫn luôn phải có một bổn trách cao với đất nước, nhất là trong bối cảnh hiện nay, dù có rất nhiều thuận lợi nhưng đất nước vẫn đứng trước rất nhiều thách thức trước xu thế hội nhập và phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Huệ Chi (chủ biên) (1994), *Thi hào Nguyễn Khuyến - đời và thơ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Trần Đình Hượu (1995), *Nho giáo và văn học trung cận đại Việt Nam*, Nxb Giáo dục, H.
3. Vũ Thanh (tuyển chọn) (1999), *Nguyễn Khuyến về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, H.
4. Trần Nho Thìn (2009), *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*, Nxb Giáo dục.